

CÔNG TY TNHH MIVICO HOLDINGS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MIVICO HOLDINGS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOLDINGS MIVICO COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOLDINGS MIVICO

2. Mã số doanh nghiệp: 0109665588

3. Ngày thành lập: 09/06/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 89B, ngách 11/18 Tô Ngọc Vân, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902137979

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)	6619(Chính)
2.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn chứng khoán, tư vấn kế toán, kiểm toán)	7020
3.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.	4933
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm đầu giá)	4530
11.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm đầu giá)	4541
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm đầu giá)	4543
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng miếng)	4662
14.	Bán buôn tổng hợp	4690
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

16.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới bán hàng hóa (Không bao gồm đấu giá)	4610
17.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất trưng tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
18.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
19.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
20.	Trồng cây mía	0114
21.	Sản xuất đường	1072
22.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
23.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
24.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
25.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
26.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường và kinh doanh bất động sản);	5510
27.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
28.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
29.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
30.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
31.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
32.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
33.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
34.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
35.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
36.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
37.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
38.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
39.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
40.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
41.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
42.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
43.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
44.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
45.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm đấu giá)	4513

46.	Cho thuê xe có động cơ	7710
47.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
48.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
49.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
50.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
51.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
52.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
53.	Xây dựng nhà để ở	4101
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
55.	Xây dựng công trình điện	4221
56.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
57.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
58.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
59.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
61.	Xây dựng nhà không để ở	4102
62.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
64.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
65.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
66.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
67.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (trừ cung cấp suất ăn hàng không)	5621
68.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
69.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
70.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế đồ thị. - Hoạt động trang trí nội thất. - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7410
71.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (không bao gồm cung ứng lao động cho các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động)	7830

72.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh	4669
73.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
74.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
75.	Phá dỡ	4311
76.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
77.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
78.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát công tác xây dựng; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy. - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình	7110
79.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất trang, thiết bị y tế	3250
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. - Kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	8299

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	MAC HOÀI ĐỨC	Việt Nam	Căn 15 nhà D, Tập thể Bưu Điện, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	6.500.000.000	65,000	001075009232	
2	HOÀNG HẢI	Việt Nam	Số 27, Ngách 11/18, Đường Tô Ngọc Vân, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	30,000	079074008888	
3	NGÔ THỊ MINH HUYỀN	Việt Nam	Số 13 hẻm 236/17/18 Đường Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	5,000	025175000311	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG HẢI NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/07/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001080030584

Ngày cấp: 25/12/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 27, Ngách 11/18, Đường Tô Ngọc Vân, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 27, Ngách 11/18, Đường Tô Ngọc Vân, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội